

SỐ 1728

QUÁN ÂM NGHĨA SỚ

Đại sư thiên Thai - Trí Giả đời tủy giảng

Học trò là Quán Đảnh ghi

QUYỂN THƯỢNG

Văn này đã nêu riêng ra Đại bộ, có người cũng chia văn làm ba đoạn, nghĩa là từ đầu hỏi trở đi là phần Tựa, Đức Phật trả lời trở đi là phần chánh Tông, từ Trì Địa trở đi là phần Lưu thông. Lại có chỗ nói người kết tập kinh điển trình bày ấy là Tựa, từ Vô Tận Ý bạch Phật trở đi là chánh Tông, từ Trì Địa trở đi là Lưu thông. Nay Sư có lúc cũng chia làm ba đoạn, có lúc không chia làm tên gọi ba đoạn, nhưng chia làm ba chương: Một là Vô tận ý thưa hỏi; Hai là Đức Phật trả lời; Ba là Trì Địa khen ngợi. Hoặc chia làm bốn chương, ba chương như trước, chương bốn là nghe phẩm được lợi ích. Hoặc chia làm hai đoạn, đó là trước sau hai lần hỏi đáp. Chia chương mục nhiều loại là tùy theo ý sử dụng của mỗi người.

Nếu chia chương mục theo câu hỏi và trả lời thì có hai lần hỏi đáp, lần hỏi đáp đầu tiên nói về các nghĩa lợi ích Thọ Vương thâm kín của Quán Âm lần hỏi đáp sau nói về các nghĩa về lợi ích hiển bày Châu Vương của Phổ Môn . Ngay lần hỏi đáp trước chia làm hai: Một. Hỏi. Hai là Đáp. Phần Hỏi chia làm bốn: Một là Thời tiết. Hai là Nêu người. Ba là Kính nghi. Bốn Chính là hỏi.

Một là Nhĩ thời: Nhĩ là nói ngay lúc ấy. Ngay lúc ấy nói về Diệu Âm mở mang truyền bá kinh điển ở phương Đông đã hoàn tất, kể là nói về thời gian mở mang truyền bá kinh điển Quán Âm của phương Tây, cho nên nói là “bấy giờ”. Hoặc có thể đại chúng đã nghe Diệu Âm mở

mang truyền bá kinh điển vui vẻ đã xong là lúc thích hợp nghe về sự phát tâm sanh thiện của Quán Âm, cho nên nói là “bấy giờ”. Hoặc có thể lúc ấy đại chúng nghi ngờ nhiều vấn đề đối với Diệu Âm, như vì lợi ích nói pháp trên đây phá trừ tình ý nghi ngờ của đại chúng đã xong, tiếp đại chúng nghi ngờ về đức của Quán Âm, đây chính lúc phá trừ nghi ngờ này, cho nên nói là “bấy giờ”. Hoặc có thể lúc ấy căn cơ đại chúng đang nghe về Diệu Âm liền đạt được đạo, như Bồ-tát hai cõi đạt được đạo đã xong, đây là lúc tám muôn bốn ngàn người hiểu ra lý lẽ, cần phải nghe về Quán Âm, cho nên nói là “bấy giờ”. Chư Phật Như-lai không thể nói pháp uổng công, có bốn tất-đàn nhân duyên như thế mới là nói, chính là lúc giảng nói bốn tất-đàn cho nên nói là “bấy giờ”.

Hai là Nêu ra người: Chính là Vô Tận ý. Gọi là Vô Tận: Chẳng phải tận như thế chẳng phải vô tận vì đối với Tiểu thừa nói về tận cho nên nói là vô tận. Tiểu thừa nói tận vì đối với Tận trí, vô sanh trí, tận của diệt sắc lấy không cho nên gọi là vô tận. Lại chép: Sao vô tận gọi là Không bất khả tận - Giả bất khả tận - Trung bất khả tận, vì thế nói là vô tận? Kinh Đại Phẩm chép: “Chính nơi sắc là không - chẳng phải sắc diệt là không - Không cho nên vô tận”. Còn kinh Đại Tập giải thích về Vô Tận ý: Từ phương Đông vượt qua mười Hằng hà sa cõi nước vi trần thế giới, cõi nước tên gọi là Bất Thuần - Đức Phật hiệu là Phổ Hiền, toàn các vị Bồ-tát không có tên gọi Nhị thừa, chỉ tu Tam-muội niệm Phật bất diệt bất sanh bất xuất, tâm hạnh bình đẳng giống như hư không, đúng là niệm Phật, ngay lúc thấy Phật liền đầy đủ sáu Ba-la-mật, được Vô sanh nhẫn, đó gọi là không giữ lấy sắc tức là bố thí (đàn), trừ bỏ sắc tướng tức là trì giới (thi), quán sát sắc không còn tức là nhẫn nhục (sạn đề), quán sát sắc vắng lặng tức là tinh tiến (tỳ-lê-da), không lưu hành sắc tức là thiền định (thiền), không hý nói về sắc tức là trí tuệ (Bát-nhã). Thân Tử hỏi: Vì sao ông hiệu là Vô Tận Ý? Đáp: Tất cả các pháp nhân duyên quả báo vô tận, tất cả các pháp bất khả tận, lúc mới phát tâm vô thượng Bồ-đề đã bất khả tận. Ví như hư không bất khả cùng tận, vì Nhất-thiết-trí phát tâm Bồ-đề, há có thể cùng tận ư? Giới định tuệ giải thoát - giải thoát tri kiến - mười lực vô úy v.v... của chư Phật vô tận, nhờ những điều như vậy mà phát tâm cho nên bất khả tận, tánh chúng sanh vô tận, giáo hóa chúng sanh vô tận, biết tất cả pháp tánh vô tận cho nên vô tận, đây gọi là Bồ-tát phát tâm vô tận. Còn Đàn Ba-la-mật vô tận, cho đến phương tiện vô tận, gồm có tám mươi vô tận, tám mươi vô tận đều có thể hàm chứa được tất cả Phật pháp, từ đây được tên gọi là Vô Tận Ý. Lại trong Tịnh Danh chép: “Sao gọi là tận - Gọi

là bất tận hữu vi? Sao gọi là vô tận Bất trụ vô vi? Hoa Nghiêm có mười pháp môn vô tận, các kinh như vậy đều căn cứ theo giả danh, phân biệt tất cả các pháp nhân duyên quả báo, để nói về Vô Tận Ý”. Lại như kinh Thắng Man chép: “Sắc của Như-lai tất cả đều vô tận - trí tuệ cũng giống như vậy, tất cả các pháp thường trú”. Còn kinh Đại Phẩm chép: “Tất cả pháp phát khởi ý là phát khởi không sai lầm, ý là pháp giới ý thì chẳng phải tận chẳng phải vô tận. Vô tận như vậy ví như chẳng phải thường chẳng phải vô thường đây mới là thường”. Còn trong kinh Tịnh Danh chép: “Pháp hoặc là tận hoặc là bất tận đều là tướng vô tận. Tướng vô tận tức là không - không thì chẳng có tận và bất tận, cho nên biết chẳng phải tận chẳng phải vô tận là nghĩa chân thật vô tận”. Còn kinh Đại Phẩm chép: Si như hư không không thể cùng tận, cho đến già chết như hư không không thể tận, sắc không thể tận cho đến thức không thể tận. Các kinh như vậy đều dựa theo Lý Trung đạo, để gọi Vô tận. Thông đạt pháp không - Giả - Trung của ba đế không thể tận, cho nên gọi là Vô Tận Ý Bồ-tát. Cũng gọi là các nghĩa tâm, trí, thức, sắc, thọ, tưởng, hành, v.v... vô tận không thể nói không thể giải thích không thể chuyển tải điều đó”.

Bồ-tát: Tiếng nước ngoài là Ma-ha Bồ-đề Chất-đa-đát-đỏa, Hán dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh. Tâm hạnh bắt đầu ấy là phiền não sanh ra, nhị thừa là năm phần pháp thân sanh ra, lục độ Bồ-tát là phước đức sanh ra, Biệt - Viên là Trung đạo sanh ra, vì thế Đại Phẩm chép: “Thân Như-lai ấy là không từ một nhân, một duyên sanh ra, thân Như-lai Bồ-tát là chúng sanh sinh ra, cho nên nói chúng sanh phát tâm cầu Phật, nên nói là đại đạo, lợi ích tất cả dùng pháp đạo thành tựu tha, hoặc nói thành tựu chúng sanh”. Giải thích rộng về nghĩa Bồ-tát như phần thọ Ký.

Ba là Kính nghi, chia làm ba: Đứng lên, vén y bày vai phải, chấp tay. Đứng lên (khởi) sách Lễ chép là thưa hỏi, đứng lên xin, nghiệp khởi. Bồ-tát hướng về Phật đầy đủ hai lễ tiết đó cho nên nói là khởi. Quán thích Bồ-tát thường tu hạnh xa lìa cho nên nói là khởi, cũng là khế hợp các pháp Không - Không chính là chỗ ngồi, ở không này chẳng có gì đả nhiễm nên nói là khởi. Còn Bồ-tát an trụ trong lý không - lý vốn không khởi, vì thương xót chúng sanh cho nên nối tiếp cơ duyên lợi ích do đó nói là khởi. Lại Trung đạo vắng lặng chẳng phải khởi chẳng phải không khởi, mà có thể khởi, có thể không khởi, cái khởi của vô khởi, khởi tức là thật tướng cũng khởi thật tướng của chúng sanh cho nên nói là khởi.

Vén y bày vai phải: Nước ngoài lấy sự vén y để cung kính bày tỏ. Để lộ vai ấy là bày tỏ sự chấp phụng làm tiện lợi, biểu hiện nghi thức đệ tử phụng sự thầy đầy trách nhiệm làm trò, vì thế cho nên lấy sự vén y làm cung kính. Ở Trung quốc thì sự vén y là khinh mạn, nhưng xưa kia có Tu Giả tiên sinh để lộ thịt trên người cảm tạ hưởng về Trương Nghi lộ ra hai xương đùi, nên trung quốc cũng không thường là khinh mạn. Giải thích tử mĩ là che phủ.v... lộ ra biểu thị hai đế không - Giả, còn biểu thị quyền thật thì thật sự không thể nói, như che phủ bên trái biểu thị có lợi ích thâm kín quyền biến đối với hóa độ tiện lợi, như bày ra bên phải biểu thị có lợi ích hiển bày.

Chấp tay: Trung quốc lấy sự chấp tay vái làm cung kính, nước ngoài chấp tay lại là tôn kính, tay vốn hai phía nay hợp lại thành một, biểu thị không dám tán động chuyên chú hết mực nhất tâm, từng tâm tương xứng cho nên lấy đó biểu thị sự cung kính. Giải thích tử mĩ điều ấy thì xưa kia quyền - thật không kết hợp mà nay được kết hợp. Còn năm ngón tay biểu thị cho năm ấm. Kinh Nhân vương chép: “Pháp tánh sắc, thọ, tưởng, hành, thức”, đây tức là thật trí chân thân cũng có năm ấm, ứng hóa nhân duyên cũng có năm ấm, lý tánh của chúng sanh đạt được cũng có năm ấm, quả báo sanh tử của chúng sanh cũng có năm ấm, bậc Thánh vì hóa độ chúng sanh thị hiện có ứng thân năm ấm, mà ấm quyền - thật sai khác. Nếu lý pháp tánh của chúng sanh hiển bày, bậc Thánh cũng ngừng hóa độ trở về chân, thì quyền - thật không hai. Chấp tay biểu thị cho trở về nguồn gốc, đi vào sự lý chẳng phải quyền, chẳng phải thật khế hợp cho nên chấp tay. Hưởng Phật: Biểu thị nhân của muôn thiện hưởng về quả muôn đức, cũng là người thực hành phân chứng quyền thật hợp lại, hưởng về quyền thật rốt ráo hợp lại cho nên nói là hưởng Phật.

Bốn là Phát khởi hỏi: Từ đây trở xuống có hai lần hỏi - đáp, lần đầu hỏi về Quán Thế Âm, lần sau hỏi về Phổ Môn. Lần hỏi trước chia làm ba:

1. Khen ngợi.
2. Nêu ra người thưa hỏi.
3. Chính thức thưa hỏi.

Trong Đại Kinh chép: “Ông có hai trang nghiêm để hỏi nghĩa này, Ta có hai trang nghiêm để trả lời nghĩa này. Nay Vô Tận Ý có hai trang nghiêm muốn hiển bày hai loại trang nghiêm của Quán Âm, khởi sự thưa hỏi Như-lai. Như-lai rất ráo có đủ hai trang nghiêm, thích hợp trả lời nghĩa này”. Thích Luận chép: Hỏi có nhiều thứ - không

hiếu mà hỏi - thử hỏi - ứng cơ mà hỏi. Nay Vô Tận Ý chính là ứng cơ mà hỏi”. Thế Tôn: Tức là khen ngợi tôn hiệu, mười hiệu xuất xứ từ Thích Luận, dùng tôn hiệu đó giải thích Quán Thế Âm Bồ-tát này, tức là nêu lên người được hỏi, đầy đủ như trước giải thích.

Nhân duyên gì: Nhân duyên rất nhiều, sơ lược nói về cảnh trí nhân duyên. Nếu dựa vào chúng sanh thì dùng hai cơ thiện ác làm nhân, linh trí từ bi của bậc Thánh làm duyên. Nếu dựa sát vào quán trí thì bi của bậc Thánh là nhân, chúng sanh cơ cảm là duyên.

“Vì sao hiệu là Quán Thế Âm: Như trên đã giải thích.

Thứ hai đức Phật trả lời chia làm ba: Một là trả lời chung. Hai là trả lời riêng. Ba. Khuyến khích trì niệm. Tổng quát trả lời chia làm hai: Một. Nói về cơ. Hai. Nói về ứng. Cơ chia làm bốn: Một là nêu lên nhân số. Hai là nói về gặp khổ. Ba là nghe danh hiệu. Bốn là xưng danh hiệu.

Một là số ấy là cơ trong mười pháp giới thật sự từ vô lượng mà nói về trăm ngàn muôn ức, đây là sơ lược con đường chung. Nghiệp đồng là như một cõi địa ngục đại khái giống nhau, trong đó tốt đẹp hay hạ thấp có gì khác địa ngục. Như một địa ngục lại có trăm ngàn muôn ức phẩm cách sai khác, mỗi phẩm cách lại có trăm ngàn muôn ức người tội, tội nghiệp người này đích thực giống nhau cho nên cùng chịu một thứ tội khổ. Mở rộng ý này trải qua Ngạ quỷ, Súc sanh - Tu-la - Người - Trời cũng đều như vậy. Vì vậy biết số này là nêu lên ý đồng nghiệp lực. Sở dĩ nêu lên nhiều số là trình bày trăm ngàn muôn ức loại nghiệp gặp phải khổ đau mà xưng gọi danh hiệu, trong một lúc có căn cơ thì trong một lúc có thể ứng, đều được giải thoát, huống chi một người một nghiệp một cơ chỉ có đến mà không thể cứu? Đây là nêu ra các cảnh nhiều cơ để nói lên quán sâu sắc ứng rộng lớn.

Hai là nói về gặp khổ: tức là chịu đựng các khổ não. Lời này thành tựu nghĩa trên. Trăm ngàn ở trên là nghiệp lực giống nhau, đây là nói chung các khổ. Một khổ não là một nghiệp: Tất cả có trăm ngàn muôn ức. Trên nói về số giống nhau - dưới nói về nghiệp khác biệt. Sử dụng ý này trải qua trăm cơ tội đồ của mười pháp giới, không thể nói - không thể nói được. Nay nói chịu đựng khổ não ấy, chính là hiện tại gặp phải khổ ách. Khổ này do kiết nghiệp của quả nhiều cho nên nhân cũng nhiều. Đây chính là trả lời chung - văn lược mà ý rộng. Đầy đủ khắp cả mười pháp giới không chỉ có loài người mà thôi. Trong trả lời riêng sau đó văn rộng mà ý hẹp. Đặc biệt nêu ra bảy nạn trong loài người mà thôi, cho nên đây trả lời chung.

Ba là nghe danh hiệu: Ở trên nói về gặp khổ - kế là nói về sanh thiện, thiện ác hợp lại thành cơ. Đây là nói nghe có bốn nghĩa như thọ Ký. Nếu có thể thông suốt bốn loại nghĩa đã nghe đó tức là Văn tuệ, tâm không hề nương cây, không trú, không chấp trước tức là tư tuệ, nhất tâm xưng niệm danh hiệu tức là Tu tuệ. Văn này tuy hạn hẹp mà ý ba tuệ hiển bày.

Bốn là xưng niệm danh hiệu: Xưng danh hiệu có hai: Một là sự, hai là lý. Nếu dùng tâm giữ niệm thì niệm niệm nối nhau tâm còn lại không gián đoạn, cho nên gọi là Sự nhất tâm. Hoặc có thể như trong kinh Thỉnh Quán Âm nói niệm gắn liền với đếm hơi thở - mười hơi thở không rời loạn gọi là nhất niệm, hoặc có thể vô lượng hơi thở không xen lẫn ý tưởng khác, tâm và ý tưởng tuy dài cũng gọi là một tâm. Tâm tâm quay về dựa vào cũng không có hai ý, cho nên gọi là Sự nhất tâm. Xưng danh: Hoặc có thể xưng niệm tắt như văn này hoặc xưng niệm rộng như văn dưới. Nam mô: Là Từ ngữ của qui mạng, đều là Sự nhất tâm xưng danh.

Lý nhất tâm: Thấu suốt tâm này tự - tha chung nhau không có nhân không thể đạt được, Vô tâm - vô niệm tương ứng với không tuệ, đây chính là vô nhất cũng vô tâm biết tướng âm thanh là không - tiếng gọi hưởng về không thật, năng xứng sở xứng đều không thể đạt được, đây gọi là vô xứng, đây là Lý nhất tâm xưng danh. Hai là Ứng: Trước là nói về ứng, kế là nói về giải thoát. Ứng có nhiều loại, Ứng của ba giáo - Ứng không nhất thời, Quán Âm bên Viên giáo nhất thời trọn vẹn ứng cơ các ách nạn khẩn cấp ứng ngay, nhất thời liền nghe liền xưng niệm là cơ mau chóng, vừa nghe liền ứng là ứng mau chóng. “Đều được giải thoát”. Là được ứng ban cho lợi ích. “Đều” là chẳng những hiển bày lợi ích cho nhiều cơ chúng, cũng là hiển bày đối với ứng của đầy đủ khắp nơi. Hoặc lúc là cơ mau chóng - ứng mau chóng bình đẳng lợi ích mau chóng thuận theo văn.

Hỏi: Chúng sanh trong mười pháp giới vô lượng - cơ đã vô lượng, vì sao trong một lúc làm cho được giải thoát?

Đáp: Ví như cha mẹ nhớ con tâm tư sâu nặng nhiều trí nhiều tài vật có đủ thế lực to lớn, các con đang gặp nạn liền có thể cùng cứu cho, Bồ-tát cũng giống như vậy, vô duyên từ bi sâu nặng - hai trí quyền thật sâu sắc, Thánh tài vô lượng - sức thần thông rộng lớn, mười pháp giới tuy nhiều mà ứng có dư dật. An Lạc Hạnh chép: “Đại lực nhẫn nhục - kho báu trí tuệ, dùng đại từ bi như pháp hóa độ thế gian”, chính là ý này. Lại như rồng độc tội báo còn có thể dùng một mắt mà nhìn khắp tất

cả, vật bị nó nhìn đều chết, huống chi chủng trí viên minh của Bồ-tát ư? Lại như đá nam châm, gương sáng, lại là đi vào sức Tam-muội Vương trong một lúc mười lần lợi ích cho tất cả. Nghĩa này có đủ trong Đại Bản Huyền Nghĩa. Hỏi: Nhất tâm xưng danh đều được giải thoát, nay thấy xưng niệm đọc to liên tục, như vậy mà không được chút ít hiệu quả nào vậy? Đáp: Kinh chép: “Nhất tâm xưng danh có sự nhất Lý nhất là hai lộ trình”, không áp dụng sao có thể cảm đến Thánh? Ví như đến nhìn mặt sau của gương đối trước hang bịt miệng không nói, sao có thể thấy hình, nghe tiếng vang vọng. Hai là tách biệt trả lời chia ba: Một. Miệng cơ cảm ứng. Hai. Ý cơ cảm ứng. Ba. Thân cơ cảm ứng. Nay nói miệng cơ chia làm hai: Đầu tiên nói về bảy nạn, kế là kết thúc miệng cơ. Có người chép: Thứ tự ba cơ ấy là miệng biểu hiện ở trước âm thanh thành tựu do ý - ý thức thành tựu thân. Bàn luận thông suốt thì miệng cơ cũng thoát khỏi ba loại khổ, nhưng đầu tiên dứt bỏ quả khổ, kế là trừ bỏ nhân khổ, kế đến là mãn nguyện mang lại niềm vui.

Hỏi: Trong đây nói về cứu trừ đau khổ sao bỗng nhiên ban cho niềm vui?

Đáp: Chút phần ban cho niềm vui là muốn dắt dẫn thâm nhiếp.

Hỏi: Vì sao không ban cho nhân của niềm vui đó?

Đáp: Nhân chẳng phải dắt dẫn thâm nhiếp cho nên không ban cho. Lại văn đó ở sau vì nói pháp là ban cho nhân của niềm vui.

Hỏi: Bi môn đã phần nào mang lại niềm vui, Từ môn cũng nên chút phần dứt trừ đau khổ?

Đáp: Bi trước đây hoàn toàn dứt trừ đau khổ đã xong, về sau chỉ ban cho niềm vui. Không có khổ đáng dứt trừ sao nói đến phần ít? Có người giải thích bảy nạn thành hai cặp và một cặp, lửa - nước vô thức làm một cặp, quỷ và khác chủng loại làm một cặp, vua chúa và trộm cướp cùng chủng loại làm một cặp, Quỷ chia ra khứ lai - Vương nói về khinh trọng cho nên thành ra bảy nạn. Lần lượt ấy là lửa nước vô thức làm nạn thì nặng, quỷ tuy có ý thức mà chẳng cùng loại là kế là, vua chúa và trộm cướp có ý thức mà chẳng cùng loại là kế là, vua chúa và trộm cướp có ý thức cùng chủng loại cho nên nhẹ nhàng. Nhưng quỷ - vương xen tạp lẫn nhau đầu tiên lấy quỷ so với vua, vua nhẹ thì quỷ nặng. Lại vua so với quỷ, vua nặng thì quỷ nhẹ. Hai điểm này tương tự cho nên nêu ra. Có Sư dùng gió làm thành tám nạn, có người chỉ trích điều đó, văn chép: “Xưng danh đều được giải thoát”, nạn La-sát không nói gió làm nạn. Nay nói về bậc Thánh phó cơ việc gì phải phân chia như tình ý này, thứ tự việc gì phải không thứ tự? Nay không giống như

trước ấy là bản này nói về phó cơ dứt khổ, đâu có thể lại dùng ban cho niềm vui mở ra điều đó. Nay nói như thứ tự ấy là trước tiên đi vào cõi nước thuận theo phong tục đi đến miệng cơ làm thứ nhất, ý kín đáo thân hiển bày cho là thứ hai. Nếu tìm ý kinh “v.v...Tức thời xem xét tiếng kêu kia, đều được giải thoát”, kinh không nói thứ tự quán cơ, sao có thể thực hiện thứ tự mà giải thích được? Nơi khác đã làm thứ tự bảy nạn, nay trở lại đối với thứ tự đó mà thôi. Đi vào lửa thì có lo lắng về họa cháy thân, mất mạng, rất là nặng nề cho nên ở đầu tiên. Nước trôi chìm xuống nổi lên kéo dài một ít lâu so với lửa, La-sát tuy hung bạo như kinh nói có năm trăm La-sát nữ, năm trăm người vợ phiêu bạt sinh con hưởng thụ niềm vui, thời tiết hãy còn lâu dài, sau đó liền ăn. Đây lại lâu hơn so với nước. Vua nạn chẳng phải lập tức giết, tra cứu tội lỗi hư, thật - thật thì trừng trị, hư thì tha cho, không giống như đối với quỷ nhất loạt gom lại để ăn, do đó lại kể là La-sát. Quỷ đến chọn người không đích thực đã phân biệt, người suy yếu mới gặp nạn - trốn thoát có thể tránh được, không giống như pháp vua nhất định phán quyết sống chết, vì vậy lại kể là vương nạn. Gông xiềng trói buộc thân không chắc mất mạng, nhưng có cái khổ giam cầm nghiêm ngặt, ít hơn đối với quỷ. Trộm cướp tìm kiếm vật quý chuyển đi vật quý thì hết. Nếu có thể lời lẽ nhún nhường hết sức khéo léo thì phương tiện tức là có thể gắng gượng thoát khỏi. Đây là thứ tự xưa nay mà thôi. Thậm chí như trộm cướp hung ác khẩn cấp phát ra đâu khác gì so với lửa thiêu đốt. Hỏi: Các nạn rất nhiều ý gì phân biệt bảy nạn vậy? Đáp: Đây có nơi biểu hiện người lấy sáu loại thành tựu thân, còn vì sáu loại tự làm hại. Như người cùng chung bảy nạn cùng cư trú lại lấy bảy làm nạn. Nay dùng rộng rãi bảy nạn coi như tóm lại biểu thị sáu loại. Lửa - nước - gió tức là biểu thị ba loại bên trong thân. Dao gậy gông xiềng biểu thị Địa chủng. Quỷ - trộm cướp - vua chúa cùng biểu thị Thức chủng. Ba ngàn đại thiên thế giới biểu thị không chủng. Vì sao Không có thể là nạn? Như thân người có nội Không, Thức vây quanh bốn đại chủng cư trú ở trong, đâu khác gì đại thiên thế giới vây bọc đất nước lửa gió, vua chúa - quỷ - trộm cướp cùng cư trú ở trong? Không là nạn ấy là không là lý do của nạn xảy đến. Như thân thể con người khỏe mạnh thì bệnh bên ngoài không xâm nhập, nếu thân yếu ớt thì thường tật bệnh ép ngặt sâu não. Lại như nhà của người không có tường vách, bọn trộm cắp sẽ vào có thể xảy ra nạn, cho nên Không cũng trở thành nạn. Thức chủng là nạn tâm thức vậy. Suy tính bộc phát ái kiến hủy diệt tuệ mạng pháp thân. Như vua chúa, quỷ trộm cướp cướp đoạt tài vật quý báu, đoạn dứt, tổn hại thọ mạng cho

nên Thức chủng là nạn. Vì lẽ vậy không phân biệt nhiều ấy chính là thuận theo biểu thị điều này. Giả như khiến cho đưa ra nhiều các nạn cũng là biểu thị một điều này. Nạn lửa chia làm bốn: Một. Trì danh tức là thiện làm cơ. Hai. Gặp khổ tức là ác làm cơ. Ba. Ứng. Bốn. Kết luận. Trên đây tổng quát nói chịu đựng các khổ não chưa phân định về tướng khổ. Nay tách biệt trả lời cho nên đưa ra nước - lửa v.v... Giải Thích Các nạn ví dụ chia ra ba ý: Một là dựa theo văn. Hai là nêu sự chứng minh. Ba là giải thích quán hành. Dựa theo văn: Trì ấy là miệng để tụng trì - tâm là nắm giữ, nắm giữ để lý không thể mất, tuy chẳng phải miệng trì mà các giác quan cũng có thể là miệng thực hành, cho nên thông thường thuộc về cơ miệng nghiệp. Nếu có - giả sử có - trở lại có đều là từ ngữ không chắc chắn trốn thoát. Còn lại đều là nạn phát khởi mới xưng danh. Trong đây trước trì danh mà gặp nạn, đây hoặc là trước sau cùng nêu ra mà thôi. Nay nói là nạn lửa bất ngờ tàn khốc cần phải sắp xếp trước để nhớ trì chắc chắn không có nạn này. Nếu có thể có điều ấy, đều là làm cho lia bỏ những gì giữ gìn, lia bỏ thiện thuận theo ác gọi đó là giả như (thiết). Như nhân duyên của từ đồng nữ, nếu có thể ý chí tu hiểu thuận thì không gặp vảnh lửa, làm trái lời mẹ cắt tóc chịu đựng cái khổ địa ngục. Đây là giữ gìn hiểu thuận thì không gặp vảnh lửa. Đây là giữ gìn hiểu thuận không có thể hoàn toàn đưa ra nhiều nhân duyên v. v... Người thực hành trì danh vốn không phải gặp nạn vì duyên sai khác nên bỗng nhiên quên. Giả như đi vào lửa lớn đau khổ có thể hành trì trước, liền được khỏi nạn. Nạn lửa đã nặng nề thì cơ cần phải sâu sắc, cho nên trước trì sau thoát ra, nghĩa đó có thể thấy. Sức oai thần là kết thúc nạn lửa. Kế là dẫn ra chứng cứ: Đời Tấn có Tạ Phu soạn truyện Quán Thế Âm Ứng Nghiệm, Tề Lục Quả lại soạn tiếp, truyện đó chép: “Trong niên hiệu Nguyên Khang nhà Tấn có Trúc Trường Thư ở Lạc Dương vì lửa lan ra đã đến, nhà tranh dưới gió đầu thể nào tránh khỏi, bèn nhất tâm xưng danh gió quay lại, lửa chuyển sang nơi khác mà tắt. Người trong làng thấy biết nông cạn nói là tự nhiên như thế. Nên nhận một ngày có gió, khô ráo, ném bó lửa đốt cháy nhà kia, ba lần ném vào ba lần đều tắt, liền rập đầu sám tạ. Pháp lực quay về Lô quận xây dựng tinh xá, ở trên khe núi xin được một xe vừng, giữa đồng trống gặp đám lửa, Pháp Lực mệt mỏi liền nằm nghỉ một chốc, vừa tỉnh dậy đã thấy lửa cháy ập đến, bèn cất tiếng xưng chữ Quán, chưa đến chữ Thế Âm mà ứng thanh lửa tắt. Còn Pháp trí gặp lửa ngoài đồng trống, đầu mặt làm lễ dốc lòng xưng danh hiệu, nơi khác đều đốt cháy mà chỗ Trí dung thân không tổn hại”. Còn Ngô Hưng Quận Sử ở đây đều ghi chép vào truyện

rõ ràng chẳng phải là kia nói để tin. Ba là dựa vào quán hành giải thích: Lửa có nhiều loại - có lửa quả báo - lửa nghiệp - lửa phiền não. Lửa quả báo đến Sơ thiên, lửa nghiệp ở khắp cả ba cõi, lửa phiền não ở khắp cả người ba thừa. Nạn lửa quả báo: Từ địa ngục có, lên đến Sơ thiên đều có nạn lửa quả báo. Như A-tỳ cách xa con tám muôn bốn ngàn trong ngoài thấu suốt trên dưới chen lẫn rất nóng. Tay chân ngạ quỷ bốc khói cử động thân thể cháy khô. Súc sanh nấu luộc nóng bức quay nướng hầm rang. Tu-la cũng có nạn lửa. Thiêu đốt trong loài người hiện tại nhìn thấy. Nếu đến lúc kiếp tận thì Tu-di cháy hết, cung điện chư thiên đều bị hủy hoại hết, từ Sơ thiên trở xuống không tránh khỏi nạn lửa. Tất cả mười lăm Hữu chúng sanh trăm ngàn muôn ức cngiệp ác khổ não, người trì danh hiệu Quán Thế Âm này thì lửa không thể thiêu đốt, đâu chỉ dừng lại giải thích ở người Diêm-phù-đề ư! Đây giải thích thẳng thắn quả báo mười lăm Hữu, so với giải thích trước về lửa thật đáng cười thay! Chín loại chúng sanh khác, giải thích kia chẳng hề đề cập đến.

Kế là nói về lửa nghiệp ác của A-tu-la: Tùy theo nơi chốn có bỏ ác tu thiện, hoặc năm giới mười thiện phần nhiều bị nạn nghiệp ác, vì vậy kinh chép: “Thiêu đốt các gốc lành không gì hơn sân hận”. Tuy sanh cõi Hữu Đảnh mà trên đầu lửa cháy, Thuật Sa-già-ba bị lửa đục thiêu đốt. Kinh Kim Quang Minh chép: Lửa lo buồn rừng rực nay đến thiêu đốt Ta, có thể phá tan nghiệp thiện lìa bỏ trên rớt xuống dưới, đều gọi là lửa”. Nếu có thể xưng danh hiệu được xa lìa nghiệp ác, cho nên kinh Thỉnh Quán Âm chép: “Người phá bỏ phạm hạnh làm mười nghiệp ác, trừ hết cấu bẩn khiến cho được thanh tịnh, nhờ sức uy thần của Bồ-tát này”.

Kế là nói về lửa phiền não: Nếu người Thanh-văn chán ghét sanh tử, xem nhân quả ba cõi giống như nhà lửa, kết nghiệp bốn đảo chỉ bốc lên khói nóng, trôi lăn sa đọa bị lửa thêu đốt, sanh tử lan tràn ngày đêm không ngừng, thường tìm cầu phương tiện tranh nhau xô đẩy ra khỏi nhà lửa, xưng Quán Thế Âm cơ trở thành cảm ứng, cưỡi trên xe dê mau chóng ra khỏi nhà lửa, nhập vào Niết-bàn Hữu Dư - Vô Dư, liền được giải thoát. Kế là nói về Bích Chi Phật. Kế là nói về thực hành Lục độ. Kế là nói về Thông giáo. Kế là nói về Biệt giáo. Kế là nói về Viên giáo. Kế là nói về người độn căn thuộc cõi Biến dịch. Kế là nói về người lợi căn thuộc cõi Biến dịch. Tất cả có chín loại người thực hành. Lúc tu đạo hoàn toàn bị sự thiêu đốt làm hại của lửa năm trụ phiền não hoặc, tất cả tu phương tiện, phương tiện chưa thành tựu mà nạn lửa

thường ép ngặt, xưng Quán Thế Âm thì phương tiện liền thành tựu chính là được giải thoát. Nhất nhất như vậy thích hợp nghĩa tinh tế thực hiện cơ cảm của pháp môn đó.

Hỏi: Bồ-tát an trú pháp môn nào mà có thể như vậy?

Đáp: Vô lượng pháp môn của Bồ-tát không ra ngoài hai quán Biệt - Viên, căn bản phát khởi từ bi cho nên thường đối với mười loại chúng sanh thù ứng nhiều loại. Vì sao như vậy? Bởi vì nguyên sơ Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, thấy lửa quả báo thiêu đốt các chúng sanh. Liền phát khởi từ bi thể sẽ độ thoát. Thọ trì cấm giới cũng khởi lên từ bi. Cứu nghiệp ác lửa. Tu vô lậu quán xương trắng đầy khắp phát ra Hỏa quang Tam-muội, trong tám thắng xứ có Hỏa thắng xứ, trong mười nhất thiết xứ có Hỏa nhất thiết xứ, đều khởi lên từ bi nên biết vì chúng sanh dập tắt lửa phiền não. Lại quán các lửa đều là pháp, do nhân duyên sanh thể đó tức là không. Lại từ lửa không mà quán lửa giả phân biệt nhân duyên. Lại quán lửa Trung - thấy thật tướng lửa. Như vậy lần lượt từng tiết một đều có từ bi thể đảm đương lợi ích chúng sanh. Nay an trú Bồ xứ có lực dụng vô tận, dùng lực bốn thế xông ướp các chúng sanh không hề lìa bỏ, tùy có cơ cảm liền có thể thù ứng. Nếu sự cố xảy ra xưng danh hiệu cầu cứu, tức là đối với từ bi trong quả khi xưa mà cứu trừ đau khổ mang lại niềm vui. Lửa nghiệp ác khởi lên liền sử dụng từ bi trong trì giới tu định, lửa phiền não khởi lên liền sử dụng từ bi của vô lậu đi vào Không - đi vào Giả - đi vào Trung, từng tiết một liên quan lẫn nhau. Nếu cơ chúng sanh tranh nhau phát khởi trong một lúc dẫn dắt đến cảm, từ bi ứng khắp nơi đều được giải thoát. Như trong Hoa Nghiêm quyển bốn mươi chép: “Thiện tài đến nước Tiến Cầu, thấy Bà-la-môn Phương Tiện mạng tu khổ hạnh cầu Nhất-thiết-trí, có núi đao lửa bốn phía lửa bao vây, từ trên núi đao tự nhảy vào lửa, nói với Thiện Tài: Người có thể vào đây là thực hành hạnh Bồ-tát. Thiện Tài sinh nghi nói là tà pháp. Phạm thiên nói Thiện Tài, đừng dấy lên niệm này, đây là người đại trí kim cương muốn cạn khô biển ái: Trời Tự Tại chép: Bồ-tát này năm hơi nóng quay nướng thân, khiến tà kiến Ngã diệt, xa lìa các ma Ngã tâm. Lại chép: Lúc Bồ-tát quay nướng thân, cung điện chúng ta giống như đồng mực tối đen, Ta liền phát tâm Bồ-đề, cho đến Tha Hóa trời Tự Tại ở trong phiền não được pháp môn tự tại, thậm chí rồng - quỷ - A-tỳ đều phát tâm Bồ-đề xả bỏ niệm ác vốn có. Thiện Tài nghe trong hư không nói rồi liền hối hận sai lầm, lên núi đao đi vào bưng lửa lớn, chưa đến liền được Tam-muội của Bồ-tát an trú, đi vào lửa được vắng lặng an vui Bồ-tát chiếu minh Tam-muội.” Núi lửa này ấy gọi là Vô tận pháp môn. Nếu

đi vào môn này có thể biết các pháp, do đó đưa ra pháp môn lửa trong kinh kia như vậy, chứng minh thành tựu pháp môn lửa của Quán Âm từ bi cứu khổ mười thứ lợi ích.

Kế là nói về Bồ-tát vốn tu Viên quán đã phát khởi từ bi: Chỉ quán sát một ngọn lửa có đủ mười pháp giới, tất cả các pháp đi vào môn chữ “lửa” đối với một môn lửa tuy không phân biệt, mà nhận biết rõ tất cả các loại lửa quả báo - lửa nghiệp - lửa phiền não, hiểu rõ ràng thông suốt, từ bi vô duyên che phủ tất cả mọi nơi, đây là môn lửa đi vào Vương Tam-muội. Nếu lửa pháp giới dấy lên thì Bồ-tát dùng bốn địa thế nguyện, rộng khắp tiếp ứng chúng sanh như đá nam châm hút sắt. Tuy không phân biệt mà phân biệt nói ra, lấy hai mươi lăm Tam-muội cứu lửa quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu lửa tu nhân, hai mươi lăm Tam-muội cứu tất cả lửa phiền não, nhập Không của các hạng Nhị thừa - Thông giáo - Lục độ - Biệt, Viên v.v... Trở lại sử dụng hai mươi lăm Tam-muội cứu lửa ra ngoài Giả của Biệt giáo. Còn dùng hai mươi lăm Tam-muội đầy đủ cứu lửa phiền não của người Viên giáo đi vào Trung. Tuy phải đi vào các loại lửa mà không bị các loại lửa thiêu đốt. Kinh Đại Tập chép: “Giống như hư không lúc nạn lửa phát khởi, chẳng thể thiêu đốt hư không, Bồ-tát cũng như vậy, dùng từ bi bất tư nghị, rộng khắp tiếp thu tất cả đều được giải thoát”. Thông thường giải thích về bảy nạn, chỉ giải thích cứu khổ trong loài người mà không giải thích khổ trong hai mươi bốn Hữu và khổ trong Biến dịch, nên chỉ đắc một phần ít Tam-muội Như huyễn, hoàn toàn mất đi công dụng rộng lớn của hai mươi bốn Tam-muội. Thứ hai nạn nước: Cũng chia làm ba ý: Một là nêu theo văn; Hai là dẫn chứng; Ba là giải thích quán. Thuận theo văn chia làm ba:

Một. Gặp nước là có khổ; Hai. xưng danh là thiện; Ba. Được chỗ nông cạn là ứng. Hỏi: Ý nói bị nước lớn cuốn trôi ư? Đáp: Nước ít không trở thành nạn hoặc chơi đùa cho nên xuống nước cũng không thành nạn. Muốn nói nạn này nên nói bị nước lớn cuốn trôi. Nạn lửa sợ dĩ chắc chắn không nói lửa lớn, vì lửa ít cũng có thể mất mạng, hoặc cố ý nhảy vào hoặc không cố ý nhảy vào; nhảy vào thì làm hại thân mạng. Đây là đưa ra nạn nặng nề, còn được cứu huống chi nạn nhẹ ư? Vì thế cho nên nói rằng nhảy vào lửa mà không nói nhảy xuống nước. Nói lửa lớn đó mà không nói đến nước lớn, nước nói về nông cạn tức là trở thành ứng, lửa hãy còn ít đang chưa trở thành ứng.

Hai là dẫn chứng: Truyện Ứng Nghiệm chép: “Hải Diêm cùng đi với bạn bị nước nhấn chìm, người này xưng Quán Âm, tình cờ bám

được một tảng đá, mệt mỏi quá như muốn ngủ, mộng thấy hai người chèo thuyền gọi vào, mở mắt quả nhiên thấy có thuyền và người đưa đi đến bờ, không thấy người và thuyền nữa, người này bèn xuất gia làm Sa-môn đại tinh tiến. Lại nữa, Lưu Trường tùy theo Phí Yêm, làm người chăn nuôi ở Quảng Châu, đi đến cung thuyền dừng lại vì gặp gió, mẹ Trường và hai con từng tiếng liên tục xưng danh Quán Thế Âm, bỗng nhiên thấy hai người đẩy thuyền liền được yên lành. Vợ Trường ở thuyền khác không vượt sông được. Ba người Đạo Linh nương theo băng vượt qua bến sông Mạnh, gần nửa đoạn đường một người trước rơi xuống một người kế là chìm ngấm, Linh tiến lùi trên băng chắc chắn chết, không còn nghi ngờ gì, bèn một lòng xưng niệm Quán Thế Âm, chân như vượt qua tám ván - đêm tối gặp được ánh sáng đỏ thắm tấp đến bờ”. Trường hợp này rất nhiều, đều được Thánh lực che chở.

Ba là dựa theo quán để giải thích: Nước quả báo đến Nhị thiên, nước nghiệp ác có ở cả ba cõi, nước phiền não có ở cả Đại thừa Tiểu thừa. Như địa ngục vạt nóng nước sôi phần giải biển mặn sông tro trôi nổi đắm chìm, trong đường ngạ quỷ cũng có lớp sông bít biển, súc sanh chìm ngập sóng đập gây ra tai hại, A-tu-la cũng có nạn nước, trong loài người có thể biết. Nạn nước đến Nhị thiên dâng tràn không bờ bến, lúc này nếu không xưng niệm danh hiệu còn không đến chỗ sông cạn, hưởng chi mãi mãi tránh được ư? Kế là là nước nghiệp ác: Các điều ác phá hoại thiện nghiệp ấy, đều gọi là sự hủy hoại của nhân duyên ái dục và sóng nước nghiệp ác. Trút vào trong ba đường ác quên mất chánh niệm như buông bỏ phao nổi, kiến, tư như La-sát, thoái thiện vào ác tức là nước trôi, đâu cần phải sóng to gió lớn? Nếu có thể nhất tâm xưng niệm danh hiệu liền được chỗ nông cạn. Kế là nói về nước phiền não: Kinh chép: Sông lớn phiền não có thể cuốn trôi động hương Tượng. Duyên-giác quán sát nước ái dục thêm lớn, rừng dày hai mươi lăm Hữu, nước dâng tràn ngập não loạn Ngã tâm, sóng to gió lớn, có sông xoáy ngược nhấn chìm chúng sanh, tối tăm mù mịt mà không thể vượt ra, bờ Niết-bàn kia làm sao bước lên được”. Cơ của người nhị thừa tu ba mươi bảy phẩm, vận động tay chân ngăn chặn bờ có sanh tử hiểm nguy, đường phía trước xa tít tắp nhất tâm xưng niệm danh hiệu, nếu phát kiến để Tam-muội đều gọi là chỗ cạn, vô học là bờ bên kia. Kế là Bích-chi-Phật lẩn át tập khí là chỗ cạn, Thông giáo chánh tập hết là bờ bên kia. Kế là Biệt giáo dứt trừ bốn trụ là chỗ cạn, dứt trừ vô minh là bờ bên kia. Kế là Viên giáo: Lục căn thanh tịnh là chỗ cạn nhập Đồng luân là bờ bên kia, trong Biến dịch thì dứt từng phần là chỗ cạn, cuối cùng vô minh

không còn mới gọi là bờ bên kia. Lại sơ quả tránh được kiến lưu, Tam quả tránh được Dục lưu, tứ quả tránh được Hữu lưu, cho đến Viên giáo mới tránh được vô minh lưu, Bồ-tát sở dĩ khắp nơi ứng cứu nạn nước, đều là vốn có tu từ bi hai quán Biệt - Viên, ngày nay thành tựu năng lực của Vương Tam-muội. Vì sao như vậy? Bởi vì lúc Bồ-tát tu biệt quán, thấy chúng sanh nổi trôi trong nước quả báo, khởi lên thệ nguyện cứu giúp. Lúc Bồ-tát tu giới - định, dùng thiện chữa trị ác, đối với nước các thiên định - nước quang Tam-muội - nước thắng xứ - nước nhất thiết xứ, đều khởi lên từ bi dùng thiện thay đổi ác. Lại từ nước Giả đi vào Không phát ra chân vô lậu, từ Không ra goài Giả đạt được nước nhân duyên, đi vào nước Trung đạo thấy nước thật tướng, từng tiết pháp môn đều khởi lên từ bi xông ướp các chúng sanh khiến cho thành tựu vương Tam-muội. Vắng lặng mà thường soi chiếu chúng sanh bị nổi trôi trong nước quả báo, xưng danh hiệu làm cơ phù hợp Sự, Từ bi cứu giúp quả báo, nước giới định từ bi cứu giúp nghiệp ác, ba quán từ bi cứu giúp phiền não, tất cả trong một lúc đều được giải thoát. Như Hoa Nghiêm quyển ba mươi tám chép: “Thiện Tài đến cõi nước Hải Môn, Tỳ-kheo Hải Vân nói cho kinh Phổ Nhãn rằng: Mười hai năm nay thường quán sát biển này dần dần càng sâu, oai nghi của thân lớn, châu báu chứa nhóm quán sát như vậy rồi thì thấy đáy biển mọc lên hoa sen lớn, vô lượng trời rồng - tám bộ trang nghiêm trên hoa, có Đức Phật tướng tốt vô biên, đứng trước duỗi tay phải xoa đỉnh đầu tôi, nói cho nghe kinh Phổ Nhãn một ngàn hai trăm năm, “Một ngày vốn được A-tăng-kỳ phẩm vô lượng vô biên. Nếu lấy nước biển làm mực - Tu-di nhóm hợp làm bút, viết chép kinh này không thể nào hết được”. Nên biết rằng pháp môn nước thấu nhiếp tất cả các pháp, cũng như Đại Phẩm môn chữ A đầy đủ tất cả các nghĩa, Quán Âm đối với pháp môn nước thông đạt đã lâu, cho nên có thể khắp nơi tiếp ứng tất cả nạn nước. Lại vốn có tu pháp môn viên quán, vô duyên từ bi khắp ứng tất cả là quán sát môn chữ “nước” mười pháp giới hướng về chữ, “nước” là hướng về không vượt qua, nước còn không thể đạt được, nói gì sẽ hướng về - không hướng về. Mười pháp giới hướng về nước là Tục đế, nước còn không thể đạt được tức là Chân đế, sao nói sẽ có hướng về, không hướng về, tức là cả hai chẳng phải mà hiển rõ Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Như vậy nghĩa của ba đế quán sát chữ “nước” trong mười pháp giới, tức là hướng về vô duyên từ bi khắp nơi xông ướp ba đế - chúng sanh trong mười pháp giới, cho nên có thể ứng trọn vẹn tất cả. Nếu phân biệt quán sát, dùng mười sáu Tam-muội cứu nước quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu nước nghiệp

ác, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu nạn nước đi vào không Hữu lưu của Nhị thừa - Thông - Biệt - Viên. Dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu Biệt giáo ra khỏi Giả, ở trong dòng Hữu khiến cho không vấy nhiễm dịch bệnh. Dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu nạn nước của dòng vô minh thuộc Viên giáo nhập Trung đạo. Tất cả ngay một lúc đều được giải thoát. Thứ ba là nạn La-sát cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn. Hai là Dẫn ra sự. Ba là Giải thích quán. Thuận theo văn lại chia làm hai: Một - Nói về nạn. Hai. Kết luận tên gọi. Trong nạn chia làm năm: Một. Đưa ra số. Hai. là nói về lý do gặp nạn. Ba. Gặp phải khổ đau. Bốn. Nói về cơ. năm Nói về ứng. Về nhân số chỉ nêu ra số chung trăm ngàn không phân định nhiều ít, rõ ràng đi vào biển tìm cầu vật quý kết bạn không chần chẫn, số tuy không nhất định nhưng số cuối cùng không thể một mình hưởng tới, vì vậy đưa ra trăm ngàn. Kinh Hiền Ngu chép: “Ruộng vườn sinh sản trăm lần - người buôn đánh giá ngàn lần - làm quan muôn lần, đi vào biển may mắn trở về được vô lượng lần”, do đó đi vào biển. Kế là gặp phải gió là lý do gặp nạn, dẫn ra văn dưới chứng minh. Nay nếu khai bày gió làm chánh nạn, văn dưới chép: “Đều giải thoát nạn do La-sát”. Đây há không phải là nạn La-sát hay sao? Nạn do chánh ứng không thuộc về nguyên do ấy, sao chỉ do gió, do gió rơi vào nạn do đi vào biển gặp phải gió. Cầu tìm vật quý đi vào biển bởi tham cầu trân bảo quý giá, xoay vần liên tục lẫn nhau bởi vì nạn gió cấp thiết, cho nên gió là lý do rơi vào nạn. Bảy thứ báu chính là ngọc ngà châu báu là vật quý gần cạnh. Còn châu báu như ý là tối thượng, nay nói Đẳng là các thứ báu loại cao loại thấp. Kinh Lô Thán chép: “Biển lớn có bảy thứ báu giống như vật báu, một trăm hai mươi loại châu báu thực sự”. Hắc Phong: Xưa nói gió không màu sắc thổi cát đen cho nên như vậy. Có người công kích điều này rằng: Trong cát không có thuyền - trong nước không có cát, chẳng phải là thổi cát đen mà chính là thổi mây đen mà thôi. Nay trở lại ví dụ nạn này, trong nước không có mây - trong mây không có thuyền, sao có thể công kích cát mà phân biệt mây? Gió có thể thổi mây đen vì sao không thể thổi được cát đen? Kinh Thỉnh Quán Âm chép: “Gió đen xuyên thủng ngọn sóng”. Nhân Vương Bát-nhã nói gió có sáu màu sắc: Đen, đỏ, xanh, trời, đất, lửa. Kinh Thọ Ấm nói về năm loại gió. A-hàm cũng chép: “Có gió đen - gió đen thêm nữa rất là khiếp sợ”. La-sát là quỷ ăn thịt người, xác người thổi rửa có thể niệm chú nuôi giữ làm cho tươi lại. Lại có quỷ ăn tinh khí, trong tim người có bảy giọt nước ngọt hòa hợp nuôi giữ tinh thần, quỷ ăn một giọt khiến cho người đau đầu, ba giọt thì buồn bực vô cùng, bảy giọt hết cả

thì chết. Một người xưng danh hiệu những người khác đều thoát nạn: Cùng chung thuyền buồn lo cảm thương ngưng lại hay tán loạn, tuy miệng không xưng gọi như nhau, mà tâm giúp nhau tìm kiếm phước cho nên đều được cứu giúp quả là đồng đều. Nếu sau đó gặp giặc cướp thì đồng thanh, tức là trên đất liền tâm phần nhiều không thể cùng quyết định, cần phải xưng gọi hiệu lệnh, khiến cho đều nhau khác với tai nạn trên nước, vì sao ngay ở đây kết thúc tên gọi của Quán Âm? Đây chính là dựa vào một người xưng danh hiệu mà dựa vào gồm đủ mọi người trong nhóm, rõ ràng Từ lực che phủ rộng khắp cứu hộ bình đẳng, biểu hiện tên gọi của Quán Âm. Hai là dẫn việc chứng minh - Truyện Ứng Nghiệm chép: “Hơn một trăm người nước ngoài từ nước Sư tử đi biển hưởng về Phù Nam, giữa đường, bỗng gặp gió mạnh lạc vào nước quý, chúng muốn ăn tất cả. Một nhóm người trên thuyền sợ hãi xưng niệm Quán Âm, trong đó có một Sa-môn Tiểu thừa không tin Quán Âm, không chịu xưng danh hiệu. Quỷ lôi vị Sa-môn này đi, vị Sa-môn quá khổ nên xưng niệm theo cũng được thoát nạn”.

Kế là quán giải thích: Không chỉ nói về gió trong thế giới, mà hắc nghiệp cũng gọi là gió. Kinh Hoa Nghiêm nói “Hiềm khích thù hận là gió mạnh thổi bùng lửa của tâm tội lỗi thường khiến cho bốc cháy rừng rực, thổi bùng các người đi buôn lạc vào đường ác, đánh mất căn nhà thiện của loài người và Thánh tài vô lậu”. Từ địa ngục lên đến Tam thiên đều có nạn gió của quả báo: Như Kinh Tăng Hộ nói về các loại hình tướng của địa ngục, gió to sóng mạnh nhấn chìm đến mức hủy hoại. Cái ăn của ngựa quý như trong đường quý gió lạnh cắt xương, nát thân. Loài súc sanh bay chạy, tổ sập, trứng đổ sao có thể nói hết được. Tu-la cũng có nạn gió xảy ra thì các núi va chạm vào nhau, trên đến Tam thiên các cung điện nát vụn thành cát bụi. Lúc đang như vậy ai là người có thể cứu giúp? Chỉ nên một lòng xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, dùng năng lực Vương Tam-muội, hoặc dùng tay che chắn hoặc dùng miệng hút, vô lượng phương tiện khiến cho được giải thoát. Kế là nói nếu tu các thiện ác, gió nghiệp thổi làm hủy hoại thuyền năm giới mười điều thiện, rơi vào nước ba đường quý và trong cảnh ái kiến. Đại Kinh chép: “Nữ La-sát hễ sinh ra đứa con nào thì đều ăn hết, ăn con đã hết lại ăn chồng họ, khẩn cấp cần phải xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, dùng lực từ bi có thể khiến cho giải thoát”. Kế là nói về người nhị thừa phân biệt vật báu Thánh tài. Vì gió phiền não thổi thuyền tuệ hành, thuyền tu hành rơi vào cảnh kiến ái, vì ái kiến nên bị La-sát làm hại. Nếu thường xưng niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì được thoát khỏi

hai vòng kiến ái, mãi mãi được tránh khỏi hắc nghiệp của hai mươi lăm Hữu.

Kế là nói về Bích Chi Phật - lục độ hạnh - Thông - Biệt - Viên - Biến dịch v.v... Đi vào biển phiền não nhất vật báu Nhất-thiết-trí, gió dữ tám đảo đã thổi trôi dạt, thuyền các hành rơi vào nước quỷ nhị biên, dùng tâm chánh quán, thể đạt các pháp không sanh không diệt, đi vào trong thật tế, liền được giải thoát. Nghĩa quỷ hợp với chương trước sau cho nên không nói lại. Nạn gió trong pháp giới vô lượng cùng lúc ứng đầy đủ là đều do từ bi của Biệt - Viên xông ướp, Bồ-tát vốn có tu Biệt quán, thấy gió trong sự lập liền khởi lên từ bi tu giới định tuệ, thấy gió nghiệp ác liền khởi lên từ bi lúc tu ba quán, từng tiết từng tiết từ bi khiến cho đi vào trong gió thật tướng của Vương Tam-muội, dùng sự từ bi cứu gió quả báo, dùng định tuệ từ bi cứu gió nghiệp ác, Ba quán từ bi cứu gió phiền não, cho nên có thể dứt trừ mười thứ tai nạn. Nếu thực hiện Viên quán nói về cơ ứng thì chỉ quán môn chữ “Gió” đầy đủ soi chiếu mười pháp giới, ba đế rõ ràng thông suốt không ngăn ngại từ bi che phủ khắp nơi. Nếu phân biệt nói về vương Tam-muội thì, dùng mười bảy Tam-muội cứu gió quả báo, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu gió tu nhân, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió phiền não từ Giả đi vào Không của Nhị thừa - Thông - Biệt - Viên, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió vô tri ra khỏi Giả của Biệt giáo, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu gió vô minh đi vào Trung của Viên giáo. Biến dịch có thể hiểu. Như vậy cứu khắp cả pháp giới, tất cả cùng lúc đều được giải thoát.

Thứ tư nói về nạn dao gậy cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm ba: Một. Gặp phải nạn tức là khổ. Hai. Xưng danh hiệu tức là thiện, Ba. Ứng.

Nay nói đao gậy gãy từng khúc ấy là nói người cầm dụng cụ giết hại, một gãy một đến tùy theo đến tùy theo mất, càng hiển bày uy lực to lớn.

Hỏi: Nước - lửa sao không làm cho diệt bớt vậy?

Đáp: Dao gậy gãy tiếp tục đến lại nói về Thánh lực, nước - lửa sau khi diệt ai lại mang đến. Đã không mang đến thì diệt hiển bày chỗ nào? Nay chỉ khiến cho dứt bật nóng bức không thiêu đốt, dòng nước lớn càng thêm nông cạn, còn nói lên uy lực rộng lớn đều có ý đó, không thể nào một ví dụ làm nạn. Hai dẫn ra sự việc chứng minh. Truyện Ứng Nghiệm chép: “Trong thời Tần Thái Nguyên ở Bành Thành có một

người bị vu oan là cướp, vốn cúng dường tượng vàng đeo trong búi tóc, sau cúi đầu dưới pháp đao chỉ nghe tiếng vàng, đao ba lần gãy mà đầu vẫn vậy. Cởi ra thấy tượng có ba vết đao, do dây được tha. Lại nữa, nước Thục có một người dùng hộp chiên đàn đựng tượng đặt trong búi tóc, gặp Diêu Trường đánh đất Thục. Người này và Diêu Trường gặp nhau, Diêu Trường dùng tay chặt người đó nghe ở cổ có âm thanh, lùi lại sau xem tượng quả nhiên thấy có vết, người đó cảm thấy đau buồn, lẽ nào tổn hại thân mình biến thành làm hại uy dung của bậc Thánh, nên sau càng thêm tinh tiến, Thời Tấn Thái Nguyên có Cao Câu Sách người Dương Kinh, phạm pháp sắp bị hành hình nên một lòng qui mạng, xiềng xích kẹp chặt không thấy nơi nào, hạ đao thì đao gãy, treo cổ thì dây đứt từng khúc, liền bán vợ con và tự mình xây dựng năm tầng tháp ở huyện Kinh.

Thời Tống Thái Thỉ lúc đầu chiến tranh hỗn loạn khắp bốn phương, Thẩm Văn Tú chăn nuôi ở Thanh Châu, nói cho người địa phương biết về sự công kích của Tăng Tuấn. Tú đem cây đường lê chúc mừng lời kéo vợ Tư Mã Thị v.v...” Ba là giải thích quán: Chẳng những dụng cụ giết hại của thế gian gọi là dao gậy, nghiệp ác cũng có thể làm tổn hại nghiệp thiện thân mạng. Những phiền não như sáu trần - ba độc đều gọi là đao tên. Từ địa ngục trở đi thì có núi dao móc xương cây kiếm làm hại thân thể, cửa tách ra mở xẻ thái nhỏ bữa bãi khổ sở. Ngạ quỷ lại chém chặt nhau làm thương tổn lẫn nhau. Súc sanh tự nhiên có trống mái ngà sừng tự va chạm xung đột nhau, còn bị cắt gãy bóc lột. Tu-la ngày đêm đánh nhau. Vua rồng làm mưa rơi biến thành lưỡi dao. Trong loài người trước đi trên dao sắc bén nhưng lại sợ hãi nạn chém giết, lại có chết đột ngột ngoài biên ải, lại có ngậm dao nơi chợ búa phía Đông. Lúc trời đánh nhau với Tu-la năm tình thất thủ, đều có nỗi khổ của dao gậy lo sợ mất mạng. Nếu có thể xưng niệm Quán Thế Âm, hoặc cảm ứng hình phạt do đao sẽ bị gãy từng đoạn, hoặc cảm ứng sức lực cân bằng đứng giữa trận chiến khiến cho được yên hòa.

Kế là nói về tu các nhân thiện, vì đao tên ba độc nghiệp ác phá hoại tâm thiện, cắt đứt da Giới - thịt Định - xương Tuệ, tâm tủy vi diệu định tuệ pháp thân, thoái mất rơi rụng mất đường trời - người. Cho đến chánh mạng khó bước lên mà dễ nhào xuống, muôn kiếp không trở lại khởi lên tâm sợ hãi, xưng niệm Quán Thế Âm được cứu hộ, ba độc Không làm tổn hại rõ ràng lên cao thọ hưởng vui sướng, chính là năng lực của Bồ-tát. Kế là trình bày người hàng Thanh-văn chán ngán tai họa sinh tử liền quán sát kiến tư trong ba cõi dữ dội hơn đao tên. Vì vậy Đại

Kinh chép: “Thà suốt đời thân cận hàng Chiên-đà-la, chứ không nên tạm thời gần gũi năm ấm ái giả dối thân thiện, sáu giác rút đao hướng về đường chánh như là xua đuổi oán hận”. Đại Luận chép: “Giống như lâm trận giữa đao sắc, giác kết sử chưa dứt não hại chưa trừ, như ở chung phòng với rắn độc, như người bị trói đem đi giết, lúc này làm sao yên lòng ngủ được”. Ngũ Khổ Chương Cú chép: “Mười hai lớp như thành trì - ba lớp như giậu gai - năm người rút đao giữ cổng, lúc này suy nghĩ sợ hãi như vậy nhờ đâu thoát được? Ngay nơi đường chánh, cần phải dốc lòng xưng niệm Quán Thế Âm, ba nghiệp rất đỗi chu đáo thì cơ thành tựu cảm thông suốt, có thể xé toạc tấm phiêu sanh tử vượt qua dòng sông ân ái, không bị dao gậy phiền não làm hại, chúA-dục vua ma vì sao không như thế?” Kế là nói về Bích Chi Phật, tiếp tục nói về lục độ hành, tiếp tục nói về Thông - Biệt - Viên - Biến dịch v.v... Đao tên năm trụ làm hại pháp thân tổn thương Tuệ mạng, nếu có thể xưng danh hiệu thì được Thánh cảm ứng khuyên nhủ xa lìa dao gậy Thông - Biệt thoát khỏi đất của hai tử, há chẳng phải từ lực của Pháp thân ư? Lại tiếp tục nói về cơ - ứng dao gậy khắp cả pháp giới. Bởi vì từ lúc đầu tu quán Biệt - Viên, thấy các dao nhọn tổn thương hủy hoại, liền khởi lên từ bi mình nên cứu hộ. Lúc tu thiện ngăn ác, đối với nghiệp thiện ác lại khởi lên từ bi. Nếu quán sát dao gậy là nhân duyên sanh ra pháp thì lúc tu ba quán, lại khởi lên từ bi lấp đầy hạnh nguyện. Nay an trú trong Vương Tam-muội, vô lượng thần lực dùng bốn sự từ bi hướng về dao gậy quả báo, tu thiện từ bi cứu giúp dao gậy nghiệp ác, ba quán từ bi cứu giúp dao gậy phiền não. Dao gậy là chất ngại thuộc về môn chữ Địa thâu nhiếp, Bồ-tát đối với môn Địa chất ngại hiểu rõ ràng thông suốt như Hoa Nghiêm bốn mươi trình bày: “Đồng nữ Di Đà-la ở trong cung Sư Tử Tràng Vương thuộc thành Sư Tử Phấn Tấn, nơi pháp đường Bảo Tạng trong sáng, trang hoàng pháp đường này không thể nghĩ bàn được, mỗi mỗi trụ lưu ly tường kim cương gương ma-ni, trong các thứ báu - các chuông linh - các cây cối - các hình tượng - các chuỗi anh lạc, ở trong tất cả chất ngại vốn có này, nhìn thấy hết tất cả Như-lai từ sơ phát tâm thực hành Bồ-tát đạo, cho đến thành tựu Đẳng Chánh Giác mà nhập diệt, điều hiển rõ ở trong không có gì không rõ ràng, như ở trong nước trong sạch thấy hình bóng mặt trăng. Pháp môn này gọi là Bát-nhã Phổ Trang Nghiêm pháp môn. Lúc Thiện Tài đi vào Địa pháp môn này, có thể đạt được bất khả nói Đà-la-ni - đại từ đại bi Đà-la-ni môn, có thể làm Phật sự Đà-la-ni, tất cả các pháp không có pháp nào không đầy đủ”. Nên biết rằng môn chữ Địa ứng khắp tất cả khiến cho

được giải thoát. Lại nữa, pháp quán Địa đại chất ngại của Viên quán, thâm nhiếp tất cả mười pháp giới ba đế rõ ràng, hiểu rõ ở trong Địa môn, khởi lên đầy đủ từ bi khắp cả pháp giới, vắng lặng mà thường soi chiếu không có cơ nào không ứng. Nếu muốn phân biệt nói điều đó khiến cho dễ hiểu, sử dụng mười Tam-muội cứu giúp dao gậy quả báo, sử dụng hai mươi bốn Tam-muội cứu giúp dao gậy ba độc, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy phiền não đi vào không, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy vô tri ra ngoài Giả, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp dao gậy vô minh đi vào Trung, tất cả ngay một lúc đều được giải thoát.

Thứ năm nạn quỷ cũng chia làm ba: Một. Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một. Nêu xứ sở; Hai. Nói về gặp nạn tức là khổ; Ba. Xưng danh tức là thiện; Bốn. Ứng. Nói “Đây trong cõi tam thiên đại thiên là từ ngữ giả thiết. Nếu nói đều hơn nữa, lại từ nơi nào đến? Biết là giả dụ nói như vậy. Nước lửa trên đây sao không giả thiết đầy cả đại thiên vậy? Quỷ có tâm thức kéo dài lẫn nhau cho nên giả thiết nói đây cả tam thiên đại thiên là thuận tiện, nước lửa vô tâm giả thiết đây là khó. Vì lẽ đó quỷ sợ Quán Âm có uy có ân, nếu không phải mong ân thì là sợ uy, cho nên nghe danh hiệu còn không thể tăng thêm đối với mắt ác, há dễ cho dấy lên tâm làm hại hay sao? Tâm làm hại - Mắt xấu ác cả hai đều ngưng lại. Kế là dựa vào sự chứng minh điều đó. Tiếp đến giải thích quán: Nếu quả báo nói về nạn quỷ ấy thì đường địa ngục cũng phải có đại lực quỷ tề ác nào loạn các tội nhân. Hạng đại lực trong đường quỷ nào loạn đối với tiểu quỷ, quỷ trong đường súc sanh cũng ăn súc sanh. Trong loài người có thể biết, chư Thiên đã dẫn đầu quỷ sao để cho bị quỷ làm nào loạn? Như trong A-hàm chép: Có Đại lực quỷ không để ý ngồi nơi giường của Đế Thích, Đế Thích rất giận nên ánh sáng của quỷ chuyển sang mạnh mẽ, Đế Thích lui lại phát khởi từ tâm thì ánh sáng của quỷ tắt liền mất đi” Thiên chủ đã bị quỷ làm nào loạn, huống chi tứ Vương trong đường Tu-la ư? Những nơi như vậy sợ hãi nạn quỷ xưng niệm Quán Thế Âm, thì không thể tiến hành làm hại được. Kế là nói về tu nhân: Tự có nghiệp ác gọi là quỷ, tự có quỷ khuấy động ba độc, như A-hàm chép: Dâm cũng có quỷ - quỷ đi vào tâm người thì khiến cho người dâm quá mức bình thường”. Hoặc quỷ khiến cho sân - khiến cho tà vạy. Nên biết quỷ cũng phá bỏ điều thiện. Đương thể ba độc là quỷ: Dâm phá hoại phạm hạnh, sân phá bỏ từ bi, quỷ tham nào loạn giới không trộm cắp, quỷ thêm rượu đến nào loạn giới không uống rượu cho

đến thập thiện - các thiện cũng như vậy, đều bị quỷ ác nhiễm làm tổn hại. Nghiệp của trời người con lay động hay không lay động nếu thường xưng danh hiệu thì không thể tiến hành làm hại được. Kế là nói về quỷ phiền não. Kiến tâm là quỷ nam, ái tâm là quỷ nữ. Nếu nói về quỷ này thì có thể đầy cả tam thiên đại thiên thế giới. Chẳng phải tiếp tục nói về giả thiết, tại vì sao? Bởi vì kiến sử trải qua ba cõi có tám mươi tám sử, ái sử trải qua ba cõi hợp lại có chín mươi tám sử, há không tràn đầy khắp nơi hay sao? Quỷ này muốn đến nào hại người ba thừa cho đến người thực hành lục độ - Thông - Biệt - Viên v.v... Đại Kinh chép: “Chỉ nguyện Thế Tôn, bậc thầy lương thiện chú nguyện làm cho chúng con trừ bỏ quỷ vô minh”. Lại chép: La-sát ngu si dừng lại ở trong đó há chẳng phải là quỷ phiền não hay sao? Nếu xưng danh tụng niệm quán trí thành tựu, có thể khiến cho trần lao kiến ái tùy ý chuyển biến không thể nào làm hại được. Kế là nói về Biệt - Viên vốn có quán từ bi cơ ứng: Biệt quán Bồ-tát lúc mới phát tâm, thấy các ác quỷ nào loạn thế gian không có khả năng cứu giúp trừ diệt như hạng Ngật Noa Ca La ão hại Tỳ-xá-ly, vì thế Bồ-tát khởi dậy từ bi để thực hiện ủng hộ nếu tu các điều thiện bị điều ác làm hỏng cũng khởi dậy từ bi khiến cho điều thiện được thành tựu. Nếu quán sát quỷ này cho đến quỷ nghiệp đều là nhân duyên sanh ra pháp từ Giả đi vào Không - ra khỏi Giả đi vào Trung, mỗi mỗi đều từ bi thệ nguyện, đối với các phiền não thấu suốt sâu sắc thật tướng thành tựu Vương Tam-muội, dùng bốn thệ nguyện huân tu pháp thân chúng sanh. Nếu gặp phải nạn quỷ có thể cứu hộ tất cả pháp giới, dùng sự từ bi cứu quỷ quả báo, dùng tu thiện từ bi cứu quỷ nghiệp ác dùng ba quán từ bi cứu các quỷ ác kiến vô minh v.v... tất cả làm cho các quỷ tùy ý ngoan ngoãn theo hầu, không thể trở thành mắt ác nhìn ngó. Như Hoa Nghiêm bốn mươi ba chép: “Thành Ca-tỳ-la Bà, Bà Sa Bà Đà Dạ Thiên, bởi sau khi mặt trời lặn thấy khắp nơi trống không, thấy trên thân đó có tất cả tinh tú hiện rõ trong một lỗ chân lông, thấy chúng sanh đã cảm hóa, hoặc sanh lên cõi trời hoặc được làm nhị thừa, hoặc tu Bồ-tát hạnh nhiều loại phương tiện, phải đều thấy nghe. Lúc bấy giờ Dạ Thiên bày tỏ với Thiện Tài: Tôi hướng về chúng sanh ác phát tâm Đại Từ, với chúng sanh bất thiện phát tâm Đại bi, đối với Thanh-văn Duyên-giác phát tâm an lập Nhất-thiết-trí đạo. Tôi thấy chúng sanh xa lìa đường chánh hưởng về nơi nẻo tà, dính mắc các điên đảo hư vọng mê hoặc chịu đựng nhiều khổ não. Tôi thấy như vậy rồi dùng vô lượng phương tiện trừ bỏ tà hoặc đó yên tâm lập nên chánh kiến, cho nên biết pháp thân Bồ-tát dùng thân quỷ Dạ xoa, thường thực hiện như vậy

để an lập chúng sanh, Bồ-tát Quán Âm đối với pháp môn thần này, há không thông suốt, cảm ứng rộng rãi tất cả khiến cho được vô hại. Nếu Viên quán Thức chủng là ái kiến quỷ môn, tất cả pháp hương về pháp môn quỷ nơi Thức chủng này, thì mười pháp giới ba đế đầy đủ vô duyên từ bi, che phủ rộng khắp tất cả tức là Quỷ môn, Lực Vương Tam-muội thích ứng khắp cả pháp giới. Nếu phân biệt nói về điều ấy thì dùng mười Tam-muội cứu giúp quỷ Sự, dùng hai mươi bốn Tam-muội cứu giúp quỷ nghiệp ác, dùng hai mươi lăm Tam-muội cứu giúp quỷ đi vào không của ba thừa - Thông - Biệt - Viên, cho đến đi vào Trung đạo, tất cả một lúc đều không thể tiến hành làm hại.

Thứ sáu nạn công xiềng cũng chia làm ba: Một. Thuận theo văn. Hai. Dẫn chứng. Ba. Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một. Nêu lên có tội và vô tội. Hai. Gặp nạn. Ba. Xưng danh. Bốn. Cảm ứng. Phỏng theo trên cho rằng bị làm hại đây chắc chắn đi vào phần chết. Chỗ này trình bày về có tội hay vô tội, hoặc là mở rộng kiểm tra chưa xác định, hoặc có thể phân định đi vào hạng đồng phạm. Nếu phân định hay chưa phân định đều bị giam cầm nghiêm ngặt, thì tức nói về tâm bình đẳng của bậc Thánh chủ yếu cứu giúp kẻ tù tội đó, không luận đến có tội hay vô tội. Ở tay gọi là con gáiu (cái còng tay) - ở chân gọi là Giới (cái cùm chân), ở cổ gọi là Già (cái gông cổ), ở thân gọi là tỏa (xiềng xích). Đây tức là tên gọi của ba loại bằng gỗ một loại bằng sắt. Gắn liền tên gọi gắn liền ngăn trở - trói buộc là bao phủ trói buộc thì chắc chắn bị giam giữ, giam giữ mà có trói buộc thì lo buồn sợ hãi cũng sâu sắc, chim chết kêu tiếng đau thương - người chết nói sự hay. Nếu có thể xưng niệm Quán Thế Âm, cửa ải nặng nề sẽ mở ra - các loại sắt gỗ đứt gãy hư hại. Kế là dẫn ra sự việc chứng minh - Truyện Ứng Nghiệm chép: “Cái Hộ người vùng Sơn Dương, giam vào ngục phải chết, ba ngày ba đêm tâm không gián đoạn ngưng xưng danh hiệu mắt nhìn thấy Bồ-tát Quán Âm phát ra ánh sáng chiếu soi, xiềng xích cởi ra cửa ngục thông suốt tìm ánh sáng mà đi, đi được hai mươi dặm ánh sáng mới dừng. Trương Sướng vì trách móc Vương Trưởng Sử, Vương và Sướng giam giữ Đình Úy tụng kinh một ngàn biến, xiềng xích đứt từng đoạn ít ngày thì loại trừ. Hư Thừa tướng v.v... Ba là Quán giải thích: Thế địa ngục là nhà tù, quỷ và súc sanh cũng có rọ lồng giam giữ, Tu-la cũng bị năm thứ trói buộc. Bắc phương và trên cõi trời tự tại nên không có nạn này, rơi xuống là đã trở lại không tránh khỏi tai ách bị giam cầm. Nếu có thể xưng danh hiệu đều được đứt gãy hư hoại. Kế là nói về tu nhân nghiệp ác tức gọi là công xiềng. Nghiệp ác tuy có năng

lực nhưng không thể theo đuổi người không tạo tác. Nếu có tạo nghiệp thì quả cuối cùng không thể mất đi. Cho nên nói pháp không mất như bản ký kết. Nếu người tu tập các điều thiện bị nghiệp ác che phủ, như núi lớn soi bóng che phủ nơi tâm, khiến cho điều thiện bại hoại gia tăng nghiệp ác, nghiệp ác tức là dẫn đến quả trói buộc không có cách nào có thể giải trừ. Nếu muốn thoát khỏi nghiệp này thì nhờ thời gian có thể cứu giúp, khẩn cấp xưng niệm Quán Âm có thể khiến cho ba nghiệp ác hư hoại. Vì vậy kinh chép: “Vợ con lấy làm xiềng xích cùm kẹp, tiền tài lấy làm lao ngục, vương pháp lấy làm lang sói, che đậy ngăn trở người thực hành không được tu đạo, đối với hiện tại là quả báo trói buộc, ở quá khứ là nghiệp. Kế là nói về hàng Thanh-văn: Phạm phu và ba quả đều là có tội, La-hán là vô tội. Đại Phẩm chép: Ma-ha Na Già tuy có tội vô tội nhưng cùng ở trong ngục ba cõi, sợi dây năm ấm trói buộc ba tướng vô thường kiểm tra đóng chặt đóng dấu niêm phong. Mê hoặc trên quyền thật gọi là cái còng (Nữ), mê hoặc trên đỉnh tuệ gọi là cái cùm (Giới), mê hoặc trên Trung đạo gọi là cái gông (Già), mê hoặc trên Pháp thân gọi là xiềng xích, (Tỏa). Những loại như vậy trói buộc người thực hành không thể nào thoát ra được, xưng danh hiệu gắn liền với ý niệm chắc chắn được linh ứng. Nếu phát khởi định tuệ là cùm chân trừ bỏ, nếu phát ra quyền thật thì còng tay trừ bỏ, nếu phá trừ vô minh thì gông cổ trừ diệt, pháp thân hiển bày rõ ra thì xiềng xích đứt đoạn, đi vào vô dư Niết-bàn thì hệ lụy trừ bỏ, tránh khỏi ba tướng thì lia xa tra xét, vượt ra ba cõi là ra ngoài tù ngục. Chỗ này lại có ý Thông - Biệt. Kế là nói về Bích Chi Phật - Lục độ hành - Thông - Biệt - Viên. Nếu nói về gông xiềng giống như Địa là chất ngại, Biệt - Viên vốn có quán đã khởi lên từ bi nghĩa cảm ứng khắp nơi không khác đối với trước, như ba ngàn đại thiên dùng biểu thị cho Không chủng, vua giặc quỷ v.v... dùng biểu thị cho Thức chủng. Luận về mười loại đó thì Phổ ứng ở đây cũng như trước nói về bốn quán. Nay quán sẽ nói về Bồ-tát thấy chúng sanh dùng Không - Thức thành tựu thân quả báo, trở lại bị Không - Thức làm não hại, lúc tu các điều thiện thì nghiệp của Không - Thức cũng có thể làm hỏng điều thiện. Quán sát Không - Thức có chương ngại của ba đế. Từng tiết từng tiết như vậy đều khởi lên từ bi. Bi là muốn dứt trừ nỗi khổ cho chúng sanh, Từ là muốn mang lại niềm vui cho chúng sanh. Vì thế. Tịnh Danh chép: “Bồ-tát quán sát bốn đại chủng - Không chủng - Thức chủng cho nên nguyện đều không không, không có bốn đại - không có Không - không có Thức, đây là đi vào Bất nhị pháp môn. Hoặc là Vương Tam-muội có thể tùy ứng khắp cả mười pháp giới, dùng

Sự từ bi cứu nạn báo Không - Thức, dùng tu thiện từ bi cứu nạn nghiệp ác Không - Thức, dùng ba quán từ bi cứu nạn phiền não Không - Thức, cho nên biết Quán Âm đối với pháp môn Không - Thức mà được tự tại”. Hoa Nghiêm ba mươi chín chép: Thiện Trú Tỳ-kheo ở giữa hư không thực hiện Phật sự to lớn, “Nếu thực hiện Viên quán, quán không chủng nhân duyên tánh tướng bốn mặt rốt ráo v.v... thì tất cả mười pháp giới đều khởi lên Không môn, Thức cũng như vậy, khởi lên vô duyên từ bi xông ướp các chúng sanh, mười pháp giới có cơ liền có thể tất cả cùng lúc mà được giải thoát.

Thứ bảy nạn cướp bóc cũng chia làm ba: Một là Thuận theo văn, Hai. Dẫn chứng. Ba là Quán giải thích. Thuận theo văn chia làm bốn: Một là Nêu lên nơi chỗ hoạn nạn. Hai là Nêu lên người gặp nạn. Ba là Trình bày có cơ. Bốn. Nói về ứng. Nơi chỗ hoạn nạn ấy là trước tiên nói về nơi chốn, tức là cõi nước đại thiên. Kế là nói về nạn tức là cướp bóc đầy cả tam thiên đại thiên là từ ngữ giả thiết. Đất nước rộng rãi giặc cướp nhiều Thánh lực đến có thể cứu giúp hiển bày công năng. Oán là nạn này sâu nặng. Giặc cướp vốn cầu tìm tài sản - oán hận vốn làm mất mạng. Nay oán hận làm gặc cướp chặc chắn tài và mạng cả hai đều có kế hoạch. Nếu quá khứ chảy máu gọi là oán hận, hiện tại cướp đoạt tài sản gọi là giặc cướp. Cướp bóc như thế đầy khắp đầy cả đại thiên hãy còn có thể bảo vệ, người nhẹ nhàng không thể cứu giúp được sao? Hai là nêu người gặp nạn, tức là chủ buôn. Văn này chia làm bốn: Một. Trình bày người chủ. Hai. Có người cùng nhóm. Ba. Mang vật quý. Bốn. Trải qua nguy hiểm. Thương là dạy bảo lưỡng tính. Người này lựa chọn nhận biết đất rẻ dễ dàng hiểu rõ tài lợi thương lượng được thích hợp, có thể làm người chủ chốt của người buôn. Đã có chủ buôn thì có đem theo đồ dùng, vì các người buôn đã trải qua nguy hiểm cách xa, tất nhiên là hàng hóa khó đạt được, cho nên nói vật quý báu. Đường nguy hiểm ấy hoặc có thể rộng vắng vẻ cực kỳ, gọi là đường nguy hiểm. Hoặc gặp nơi cướp bóc xông ra, gọi là đường nguy hiểm vật. Cơ ấy cũng có bốn: Trước tiên trình bày một người an ủi. Hai. Khuyến khích xưng danh hiệu. Ba. Khen ngợi đức độ. Bốn. Mọi người cùng xưng niệm. Sở dĩ an ủi ấy là ngăn lại sự sợ hãi đó. Sở dĩ khuyến khích xưng danh hiệu ấy là tìm kế sách cao hơn. Sở dĩ khen ngợi đức độ ấy là khiến cho ổn định can đảm. Nếu không an ủi thì sợ hãi hoang mang, tuy an ủi ngăn lại sợ hãi, nếu không tìm kế sách thì an ủi trống không có ích gì! Cho nên khuyến khích xưng danh hiệu. Tuy khuyến khích xưng danh hiệu, nếu không khen ngợi tìm kế sách, thì tâm không thể ổn định can đảm cũng không

mạnh mẽ, vì lẽ đó khen ngợi đức độ, cho nên biết Bồ-tát này quyết định có thể giúp cho không sợ hãi. Nhất định quả dựa vào ba nghĩa đã đầy đủ, cùng lúc xưng niệm xưng lên cơ thành tựu được cảm ứng liền được giải thoát. Nam mô nói là qui mạng, cũng gọi là cứu ngã, kế là kết thúc miệng cơ vậy. Nay nói Quán Âm thế lực đã to lớn mà sự gia hộ cũng rộng rãi, há chỉ có bảy nạn mà thôi hay sao? Nên biết rằng khắp cả pháp giới đều có thể cứu hộ được, cho nên nói cao to sừng sững (nguy nguy). Nguy nguy là từ ngữ tiếp tục trình bày sự cao lớn chông chất. Trình bày lực của Quán Âm vượt ra ngoài phần đoạn sừng sững ứng với hai cõi nước, cho nên nói là nói lại. Vì nghĩa này cho nên nói nguy nguy như thế. Hai là dẫn sự việc chứng minh. Truyện Ứng Nghiệm chép: “Tuệ Đạt vào niên hiệu Long An năm thứ hai đời Tấn, đào cam thảo trên bắc Lũng, lúc rợ Khương đói bắt người để ăn thịt. Đạt bị rợ Khương bắt được nhốt ở trong hàng rào, chọn người béo mập ăn trước, Đạt liền nhất tâm xưng danh tụng kinh. Ăn người khác gần hết, chỉ riêng Đạt và một cháu nhỏ vào ngày mai sẽ bị ăn thịt. Đạt suốt đêm tụng kinh, vẫn mong một cảm ứng, gần sáng rợ Khương đến dẫn đi, bỗng nhiên thấy một con hổ từ lùm cây hiện ra gầm thét. Những rợ Khương chạy túa tán, con hổ do đó gặm hàng rào thành một lỗ hổng thoát đi, Đạt đem cháu nhỏ trốn được thoát nạn. Lại, Bùi An đi đến làm tù binh trở về, phía Nam đến bên sông không thể vượt qua được, nhìn thấy kỵ binh truy tìm ở phía sau chết đến trong khoảnh khắc, bèn xưng niệm Quán Thế Âm, thấy một con sói trắng thông thả đi đến hiện ra ôm lại, ném một cái thì vượt qua bờ Nam, liền mất chỗ của con sói. Kỵ binh cùng nhau truy đuổi ở bờ bắc nhìn thấy than tiếc vô cùng. Đạo Minh ở Vũ Nguyên cướp thuyền, Đạo Nhân thẳng thẳng gặp phải nạn giặc cướp v.v...” Ba là Quán giải thích: Nếu nói về quả báo cướp bóc thì từ địa ngục đến cõi trời thứ sáu đều có đấu tranh. Như trong A-hàm chép: “Đao Lợi đánh nhau không bằng Tula, tìm cứu viện đến cõi trời thứ sáu”. Cướp bóc như vậy biết xưng danh hiệu được thoát khỏi. Kế là lúc tu thiện thì ác sắc là kẻ thù giống như nước và bụi đất, xưng danh hiệu thì ác lùi lại nghiệp thiện được thành tựu, như tối tăm diệt đi thì sáng tỏ nảy sinh. Kế là nói về phiền não là cướp bóc: Tất cả phiền não là oán đối của pháp xuất thế, người đi buôn là thầy yết ma của ba đế, người thợ giới là người buôn, vô tác giới là vật báu rất quý trọng, năm trần là kẻ thù. Hoặc pháp sư là chủ buôn, người buôn là đồ chúng, lý giáo là vật báu rất quý trọng, cả hai gặp ma sự là kẻ thù. Hoặc Tâm vương là chủ buôn, tâm số là người buôn, trí của chánh quán là vật báu rất quý trọng, giác quán làm kẻ thù. Hoặc Bát-nhã là

chủ buôn, năm độ muôn hạnh là người buôn, thật tướng pháp tánh là vật báu rất quý trọng, sáu che đậy là kẻ thù. Dem ý này trải qua các giáo nghĩa tự tại thực hiện, đều thành tựu xưng danh liền được giải thoát. Kế là dựa vào nạn cướp bóc kết thành cảm ứng từ bi của Biệt - Viên. Ví dụ trước đây có thể hiểu v.v...

